

SỞ GDĐT QUẢNG NAM  
TRƯỜNG THPT  
VÕ NGUYỄN GIÁP  
Số: 181/KH - VNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phú Ninh, ngày 24 tháng 10 năm 2022

**KẾ HOẠCH**  
**Thực hiện “3 công khai, 4 kiểm tra”**  
**Năm học: 2022-2023**

\*\*\*

Thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ các văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2022-2023 của Bộ GDĐT và các Phòng, ban Sở GDĐT Quảng Nam;

Căn cứ Kế hoạch năm học 2022-2023 và thực tế của nhà trường;

Trường THPT Võ Nguyễn Giáp xây dựng Kế hoạch thực hiện “3 công khai, 4 kiểm tra” năm học 2022-2023 với những nội dung cụ thể như sau:

**I. Mục tiêu thực hiện công khai:**

- Thực hiện 3 công khai của nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

- Thực hiện 3 công khai là để đảm bảo tính công bằng, khách quan, đánh giá đúng việc thực hiện quy định của các cấp và ngành về công khai minh bạch các hoạt động trong nhà trường, chi ngân sách, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, chống tham nhũng trong nội bộ trong trường. Giám sát thu, chi các khoản tự nguyện của Ban ĐDCMHS theo đúng Điều lệ hoạt động của Ban ĐDCMHS.

- Thực hiện 3 công khai là để đánh giá đúng chất lượng học tập của học sinh, giúp cho giáo viên nhận thấy những điểm mạnh, yếu của quá trình giảng dạy của mình để có hướng phấn đấu rèn luyện về chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề; giúp phụ huynh thấy được mặt mạnh, yếu của học sinh để phối hợp cùng cha mẹ học sinh giáo dục các em trở thành con người phát triển toàn diện.

- Thực hiện tốt công khai đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên nhằm đánh giá trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ chính trị và các chứng chỉ... nhằm có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng. Mặt khác, là cơ sở để xây dựng Quy chế thi đua khen thưởng, quy hoạch đội ngũ, chuyển chức danh nghề nghiệp, tinh giản ...trong nhà trường.



- Thực hiện công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để người học, các thành viên của nhà trường và xã hội tham gia giám sát, đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.

## **II. Nội dung thực hiện:**

### **1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:**

#### *a) Cam kết chất lượng giáo dục:*

Điều kiện về đối tượng tuyển sinh của nhà trường, chương trình giáo dục mà nhà trường tuân thủ, yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và phương pháp quản lý của nhà trường; kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (**Theo biểu mẫu 05**).

#### *b) Chất lượng giáo dục thực tế:*

- Số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng hợp kết quả cuối năm; tình hình sức khỏe của học sinh; số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp, số học sinh được công nhận tốt nghiệp, số học sinh thi đỗ vào các trường đại học, cao đẳng (**theo biểu mẫu 09**).

- Công khai về chất lượng đào tạo, thời gian: Đầu năm học, giữa học kỳ I, II, cuối học kỳ I và cuối năm học hàng năm.

#### *c) Mức chất lượng tối thiểu, đạt chuẩn quốc gia:*

Kế hoạch thực hiện mức chất lượng tối thiểu và kết quả đánh giá mức chất lượng tối thiểu. Kế hoạch xây dựng nhà trường đạt chuẩn Quốc gia và kết quả đạt được.

#### *d) Kiểm định nhà trường:*

Kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục, báo cáo tự đánh giá, báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

### **2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng nhà trường:**

#### *a) Cơ sở vật chất:*

Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, phòng nghỉ cho học sinh tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp (**theo biểu mẫu 10**).

- Thời gian công khai: Tháng 9 của năm học

#### *b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:*

- Số lượng, chức danh có phân biệt theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo (**theo biểu mẫu 11**).

- Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

- Thời gian công khai: Tháng 6 và tháng 9 của năm học

### **3. Công khai thu chi tài chính:**

Thực hiện công khai các quỹ có nguồn từ ngân sách Nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân theo Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ.

Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính.

Công khai học phí và các khoản thu khác từ người học: Mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho 2 năm học tiếp theo.

Công khai các khoản chi theo từng năm học: Các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước; mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

Công khai kết quả kiểm toán (nếu có)

Công khai chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học.

- Thời gian công khai: Hàng quý: 3 tháng 1 lần

### **III. Hình thức và thời điểm công khai:**

#### **a) Hình thức:**

- Công khai trên website của nhà trường.
- Niêm yết công khai tại phòng Hội đồng nhà trường.
- Công khai trong các kỳ họp, Hội nghị Ban Đại diện CMHS.

#### **b) Thời điểm công khai:**

Công khai vào đầu năm, cuối quý và tháng 6 hàng năm, khi kết thúc năm học, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học mới (tháng 9) và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

### **IV. Thực hiện 4 kiểm tra:**



- Ban thanh tra nhân dân dưới sự chỉ đạo của BCH Công đoàn cơ sở thường xuyên kiểm tra:

1. Việc phân bổ ngân sách Nhà nước cấp chi phục vụ cho công tác dạy và học của nhà trường, kinh phí chi cho hoạt động chuyên môn, kinh phí chi cho mua sắm dụng cụ phục vụ trong nhà trường, kinh phí chi cho việc mua bổ sung tài liệu phục vụ cho công tác giảng dạy của giáo viên. Kiểm tra phân bổ ngân sách, nhận chỉ tiêu vào đầu năm (Tháng 1) và có niêm yết công khai.

2. Kiểm tra các khoản thu đóng góp tự nguyện của phụ huynh học sinh nộp kịp thời về nhà trường tránh tình trạng để tồn đọng tại người thu. Kiểm tra thông qua Biên bản họp của Ban ĐDCMHS trường và các lớp, những nội dung thu và bản dự toán chi vào giữa tháng 10 sau khi Đại hội Ban ĐDCMHS các lớp và Ban ĐDCMHS trường)

3. Kiểm tra về chi ngân sách, chế độ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, chế độ nâng lương và các khoản phụ cấp: Kiểm tra chứng từ chi theo Quý.

4. Kiểm tra chất lượng giảng dạy và giáo dục học sinh theo định kỳ, theo lịch kiểm tra định kỳ trong năm. Kiểm tra sau mỗi đợt kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ và kiểm tra chất lượng đầu năm, đánh giá ưu, nhược và sự tiến bộ của học sinh, công khai chất lượng giáo dục cho phụ huynh nắm bắt và báo cáo các cấp và ngành kết quả đã đạt được.

#### **V. Tổ chức thực hiện và chế độ báo cáo:**

- Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

- Báo cáo kết quả thực hiện Quy chế công khai của năm học 2021-2022 và kế hoạch triển khai Quy chế công khai của năm học 2022-2023 trước 30/09/2022.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường của các cấp.

- Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra và bằng các hình thức sau đây:

+ Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường.

+ Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh hoặc người học xem xét.

+ Đưa lên trang thông tin điện tử của nhà trường.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện “3 công khai, 4 kiểm tra” về chất lượng giáo dục thực tế, điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và thu chi tài chính năm học 2022-2023 của trường THPT Võ Nguyên Giáp. Các tổ chức, CBGVNV toàn trường nghiêm túc triển khai thực hiện./.

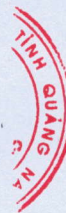
**Nơi nhận:**

- Sở GDĐT Quảng Nam (để báo cáo);
- CBGVNV (để thực hiện);
- Công bố trên Website trường;
- Công khai VP trường;
- Lưu VT.



**HIỆU TRƯỞNG**

Đào Kim Tân



## THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
<b>I</b>	<b>Số học chia theo hạnh kiểm</b>	660	224	216	220
1	Tốt	555	143	205	207
	(tỷ lệ so với tổng số)	84.09	63.84	94.91	94.09
2	Khá	94	75	11	8
	(tỷ lệ so với tổng số)	14.24	33.48	5.09	3.64
3	Trung bình	6	6		
	(tỷ lệ so với tổng số)	0.91	2.68	0.00	0.00
4	Yếu	5			5
	(tỷ lệ so với tổng số)	0.76	0.00	0.00	2.27
<b>II</b>	<b>Số học sinh theo học lực</b>		224	216	220
1	Giỏi	119	14	41	64
	(tỷ lệ so với tổng số)	18.03	6.25	18.98	29.09
2	Khá	247	51	88	108
	(tỷ lệ so với tổng số)	37.42	22.77	40.74	49.09
3	Trung bình	215	92	75	48
	(tỷ lệ so với tổng số)	32.58	41.07	34.72	21.82
4	Yếu	79	67	12	
	(tỷ lệ so với tổng số)	11.97	29.91	5.56	0.00
5	Kém	0			
	(tỷ lệ so với tổng số)	0.00	0.00	0.00	0.00
<b>III</b>	<b>Tổng hợp kết quả cuối năm</b>				
1	Lên lớp				
	(tỷ lệ so với tổng số)				
a	Học viên giỏi				
	(tỷ lệ so với tổng số)				

b	Học viên tiên tiến				
	(tỷ lệ so với tổng số)				
2	Thi lại				
	(tỷ lệ so với tổng số)				
3	Lưu ban				
	(tỷ lệ so với tổng số)				
4	Chuyển trường đến/đi				
	(tỷ lệ so với tổng số)				
5	Bị đuổi học				
	(tỷ lệ so với tổng số)				
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)				
	(tỷ lệ so với tổng số)				
<b>IV</b>	<b>Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi</b>				
1	Cấp huyện				
2	Cấp tỉnh/thành phố				
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế				
<b>V</b>	<b>Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp</b>				
<b>VI</b>	<b>Số học sinh được công nhận tốt nghiệp</b>				
1	Giỏi				
	(tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá				
	(tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình				
	(Tỷ lệ so với tổng số)				
<b>VII</b>	<b>Số học viên thi đỗ đại học, cao đẳng</b>				
	(tỷ lệ so với tổng số)				
<b>VIII</b>	<b>Số học sinh nam/số học sinh nữ</b>				
<b>IX</b>	<b>Số học sinh dân tộc thiểu số</b>				

## THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
<b>I</b>	<b>Số phòng học</b>	12	-
<b>II</b>	<b>Loại phòng học</b>		-
1	Phòng học kiên cố	12	
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	3	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	
7	Bình quân lớp/phòng học	0,67	
8	Bình quân học sinh/lớp	36,7	
<b>III</b>	<b>Số điểm trường</b>	1	Số m <sup>2</sup> /học viên
<b>IV</b>	<b>Tổng số diện tích đất (m<sup>2</sup>)</b>	<b>14,696</b>	22,26m <sup>2</sup> /1h s
<b>V</b>	<b>Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m<sup>2</sup>)</b>	<b>5,000</b>	
<b>VI</b>	<b>Tổng diện tích các phòng</b>	<b>696</b>	
1	Diện tích phòng học (m <sup>2</sup> )	504	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m <sup>2</sup> )	144	
3	Diện tích phòng đa chức năng (m <sup>2</sup> )	0	
4	Diện tích thư viện (m <sup>2</sup> )	0	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m <sup>2</sup> )	48	
<b>VII</b>	<b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)</b>		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	0	
1.1	Khối lớp 10	0	
1.2	Khối lớp 11	0	

1.3	Khối lớp 12	0	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 10		
2.2	Khối lớp 11		
2.3	Khối lớp 12		
2.4	tích/thiết bị)		
2.5	...		
<b>VIII</b>	<b>Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)</b>	0	học sinh/bộ
<b>IX</b>	<b>Tổng số thiết bị dùng chung khác</b>	0	Số thiết bị/lớp
<b>1</b>	<b>Ti vi</b>	9	
<b>2</b>	<b>Cát xét</b>	0	
<b>3</b>	<b>Đầu Video/đầu đĩa</b>	0	
<b>4</b>	<b>Máy chiếu OverHead/projector/vật thể</b>	0	
<b>5</b>	<b>Thiết bị khác...</b>	0	
<b>6</b>	<b>.....</b>	0	
<b>IX</b>	<b>Tổng số thiết bị đang sử dụng</b>		<b>Số thiết bị/lớp</b>
1	Ti vi	9	1/1 lớp
2	Cát xét	0	0.00
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	0.00
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	0	
5	Thiết bị khác...	0	
..	.....		

	Nội dung	Số lượng (m <sup>2</sup> )
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học viên bán trú	0		
XIII	Khu nội trú	0		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m <sup>2</sup> /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
		1	Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2		2		0,4m <sup>2</sup> /H S
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(\*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	Có	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	Không	
XVII	Kết nối internet	Có	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	Có	
XIX	Tường rào xây	Có	

Phú Ninh, ngày 24 tháng 10 năm 2021

**Thủ trưởng đơn vị**

(Ký tên và đóng dấu)



Đào Kim Tâm





Phủ Ninh, ngày 24 tháng 10 năm 2022

Số: 181a/QĐ-VNG

**QUYẾT ĐỊNH**

V/v thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai  
trong nhà trường theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT  
Năm học: 2022-2023.

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT VÕ NGUYỄN GIÁP**

Căn cứ Quyết định số 2375/QĐ-UBND ngày 19/8/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc thành lập trường THPT Võ Nguyễn Giáp;

Căn cứ Điều 11, Chương II của Điều lệ trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệu trưởng;

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ vào tình hình thực tế của trường THPT Võ Nguyễn Giáp trong năm học 2022-2023,

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1:** Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai trong nhà trường năm học 2022-2023 theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT gồm các ông (bà) có tên sau:

1. Ông Đào Kim Tân - Hiệu trưởng - Trưởng ban
2. Ông Hồ Minh Đích - Phó Hiệu trưởng - Phó Trưởng ban
3. Ông Phan Văn Bông - Phó Hiệu trưởng - Phó Trưởng ban
4. Ông Nguyễn Văn Trường - CTCĐ - Thành viên
5. Ông Đặng Văn Tâm - Trưởng ban TTrND - Thành viên
6. Ông Lê Văn Dũng - Tổ trưởng VP - Thành viên
7. Ông Đoàn Ngọc Lễ - Thư ký HĐ - Thành viên

**Điều 2:** Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, hoàn thành đầy đủ, chính xác các nội dung và tiến hành công khai theo đúng quy định của Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT.

Nhiệm vụ của các thành viên do Trưởng ban phân công.

**Điều 3:** Các phòng ban, bộ phận văn phòng và các ông (bà) có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

\* Nơi nhận:

- Như điều 1 (T/h).
- Lưu VP



**PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ**  
**Các thành viên trong Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai**  
**trong nhà trường theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**  
(Kèm theo Quy định số 181a/QĐ-VNG, ngày 24 / 10/2022  
của Hiệu trưởng trường THPT Võ Nguyên Giáp)

Căn cứ Quyết định số 181a/QĐ-VNG, ngày 24/10/2022 của Hiệu trưởng trường THPT Võ Nguyên Giáp về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai trong nhà trường theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT; Hiệu trưởng trường THPT Võ Nguyên Giáp phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Chỉ đạo như sau:

1. Ông Đào Kim Tân - Hiệu trưởng - Trưởng ban: Phụ trách chung; Phụ trách việc giám sát thực hiện Kế hoạch, Quy chế công khai trong nhà trường theo quy định;
2. Ông Hồ Minh Đích, Phan Văn Bông – Các Phó Hiệu trưởng - Phó ban: Phụ trách nội dung 1, 2 công khai cam kết chất lượng giáo dục và giáo dục thực tế, công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục, đặc biệt là trong lĩnh vực chuyên môn, lĩnh vực cơ sở vật chất và các hoạt động giáo dục NGLL khác; Chịu trách nhiệm báo cáo các nội dung liên quan được phân công.
3. Ông Lê Văn Dũng - Kế toán - Thành viên: Phụ trách chính nội dung 3 liên quan đến vấn đề công khai và báo cáo thu, chi tài chính, chế độ của CBGVNV và HS theo quy định.
4. Ông Đoàn Ngọc Lễ, Thư ký HĐ -Thành viên. Phụ trách tổng hợp các biểu mẫu công khai, niêm yết công khai theo quy định; Ghi biên bản các nội dung có liên quan đến công khai.
5. Ông Nguyễn Văn Trường- Chủ tịch CĐ; Ông Đặng Văn Tâm - TB TTrND - Thành viên: Phụ trách chính việc kiểm tra, giám sát thực hiện kế hoạch, Quy chế công khai trong nhà trường theo quy định; Có báo cáo, sơ tổng kết sau từng đợt công khai.

Yêu cầu các thành viên trong Ban Chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công; chủ động liên hệ, trao đổi giữa các thành viên trong Ban Chỉ đạo, xin ý kiến của Trưởng ban để thống nhất nội dung công việc nhằm thực hiện tốt Quy chế công khai trong nhà trường đúng quy định./.

